

CÔNG TY TNHH VNKO MAI TRANG BEAUTY
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VNKO MAI TRANG BEAUTY
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VNKO MAI TRANG BEAUTY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VNKO MT BEAUTY

2. Mã số doanh nghiệp: 0108938465

3. Ngày thành lập: 11/10/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 6N7B phố Nguyễn Thị Thập, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0914828879

Fax:

Email: *Maitrangbeauty2019@gmail.com* Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế Chi tiết: Hoạt động của các bệnh viện (Điều 42, 43 Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2009; Khoản 4, 5 Điều 11 Nghị định 155/2018/NĐ-CP)	8610
2.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa (Điều 42, 43 Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2009; Khoản 4, 7, 10 Điều 11 Nghị định 155/2018/NĐ-CP)	8620
3.	Hoạt động của hệ thống cơ sở chính hình, phục hồi chức năng (Điều 42, 43 Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2009)	8692
4.	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Các hoạt động y tế vì sức khoẻ con người chưa được phân vào đâu mà việc thực hiện đó có sự giám sát của y tá, bà đỡ, các nhà chữa bệnh bằng phương pháp vật lý trị liệu hoặc của những người hành nghề trợ giúp y tế khác trong lĩnh vực đo thị lực, thủy liệu pháp, xoa bóp y học, phép điều trị bằng lao động, phép điều trị bằng lời nói, thuật chữa bệnh chân, phép chữa vi lượng đồng cân, chữa bệnh bằng phương pháp nắn khớp xương, thuật châm cứu v.v... hoặc hoạt động khám chữa bệnh của các thầy thuốc chưa được phân vào đâu;	8699
5.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật Chi tiết: - Dạy nhảy; - Dạy nghệ thuật biểu diễn;	8552

6.	Giáo dục thể thao và giải trí Chi tiết: - Dạy các môn thể thao (ví dụ như bóng chày, bóng rổ, bóng đá, v.v...); - Hướng dẫn cổ vũ; - Dạy thể dục; - Huấn luyện viên, giáo viên và các hướng dẫn viên thể thao chuyên nghiệp; - Dạy yoga.	8551
7.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610(Chính)
8.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu Chi tiết: Massage mặt, làm móng chân, móng tay, trang điểm...	9631
9.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Loại trừ đấu giá hàng hóa)	4610
10.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng (Khoản 2 Điều 2 Nghị định 155/2018/NĐ-CP)	1079
11.	Bán buôn thực phẩm	4632
12.	Bán buôn đồ uống	4633
13.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; (Điều 33 Luật dược năm 2016; khoản 23 Điều 1 Nghị định số 169/2018/NĐ-CP) - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
14.	Bán buôn tổng hợp	4690
15.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
16.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
17.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
18.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
19.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
20.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Điều 33 Luật dược năm 2016; khoản 23 Điều 1 Nghị định số 169/2018/NĐ-CP)	4772
21.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781

22.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ	4789
23.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Loại trừ Đầu giá bán lẻ qua internet)	4791
24.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ Đầu giá ngoài cửa hàng (bán lẻ))	4799
25.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
26.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
27.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
28.	Hoạt động của các cơ sở thể thao Chi tiết: Hoạt động của các trung tâm thể dục, thể hình	9311
29.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
30.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
31.	Quảng cáo	7310
32.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
33.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu: - Hoạt động môi giới thương mại, sắp xếp có mục đích và bán ở mức nhỏ và trung bình, bao gồm cả thực hành chuyên môn, không kể môi giới bất động sản;	7490
34.	Dịch vụ đóng gói	8292
35.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	ĐẶNG THỊ THU TRANG	Tổ 58, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	300.000.000	30,000	B9677714	

2	NGUYỄN THỊ MAI	CH1402A- Tầng 14, khu phức hợp Mandarin Garden, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	700.000.000	70,000	017184000118	
---	-------------------	---	-------------	--------	--------------	--

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ MAI

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 13/05/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 017184000118

Ngày cấp: 11/06/2015

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *CH1402A – Tầng 14 khu phức hợp Mandarin Garden, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *CH1402A – Tầng 14 khu phức hợp Mandarin Garden, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội